TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2018/HSST
Ngày 14/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà H'Thủy Bon Jốc Ju và ông Phạm Đình Bông.
- Thư ký phiên toà: Ông Trương Đình Hội – Thẩm tra viên TAND huyện Krông Nô.
- Đại diện VKSND huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2018/TLST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phùng Trung K**, sinh năm 1986 tại tỉnh Tuyên Quang; Nơi ĐKNKTT: Thôn Q, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 10/12; con ông Phùng Văn H, sinh năm 1962, hiện trú tại: Thôn N, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Nông và con bà Dương Thị H (đã chết); tiền án: 04 tiền án cụ thể: *1*. Ngày 29/09/2003, Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng treo, thời gian thử thách 24 tháng, về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 điều 138 BLHS (Bản án số 48/2003/HSST ngày 29/09/2003). Bị cáo chấp hành xong án phí ngày 21/12/2009; *2*. Ngày 23/11/2005, Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 30 tháng tù giam, về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 điều 138 BLHS (Bản án số 79/2005/HSST ngày 23/11/2003). Bị cáo chấp hành xong án phí ngày 21/12/2009, chưa chấp hành xong trách nhiệm dân sự theo quyết định trả đơn số 04 ngày 15/11/2007; *3*. Ngày 19/07/2007 Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái xử phạt 02 năm tù, về tội: "Trốn khỏi nơi giam giữ" theo khoản 1 điều 311 BLHS và 01 năm tù về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 điều 138 BLHS. (Bản án số 18/2007/HSST ngày 19/07/2007). Bị cáo chấp hành xong án phí ngày 11/4/2013, chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/11/2010; *4*. Ngày 29/7/2014, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Nông xử phạt 02 năm tù về tội về tội: "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 điều 138 BLHS (Bản án số 34/2014/HSST ngày 29/7/2014). Bị cáo chấp hành xong án phí ngày 28/9/2015, chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/1/2016; Bị cáo bị bắt tạm giam

từ ngày 27/11/2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ công an huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông – Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1. Bà Lê Thị P, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Thôn L xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

2. Ông Giàng Seo D, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

3. Ông Vũ Ngọc S, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã R, huyện K, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ 1, thị trấn M, huyện K, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Vũ Trọng Đ, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

2. Anh Đặng H, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn 4, xã Nâm J, huyện S, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Thế H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 106, thôn P, xã S, huyện Đắk M, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ 26/7/2017 đến 26/11/2017, Phùng Trung K lợi dụng sự thiếu cảnh giác của chủ sở hữu tài sản Phùng Trung K thực hiện ba vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Krông Nô cụ thể:

Vụ thứ nhất: Ngày 26/7/2017, Phùng Trung K đi làm tại khu vực trường bắn thuộc tiểu khu xã X, huyện K quá trình đi làm rẫy về K thấy chiếc xe máy BKS 93K1-1893 của anh Giàng Seo D dựng trong lán trại không có người trông coi. K nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe. K vào lán trại tìm chì kháo thì thấy chìa khóa xe máy để dắt trên thành cửa, K lấy chìa khóa và điều khiển xe máy của anh D đến cửa hàng xe máy Văn T (địa chỉ: Thôn H-xã R- huyện K). K hỏi anh Hoàng Văn T (chủ cửa hàng) có mua xe hay không thì anh T hỏi giấy tờ xe nhưng K nói với anh T là xe do người làm thuê của gia đình cầm ở nhà đã bỏ và không có giấy tờ gì. Anh T và K ký hợp đồng mua bán xe, sau đó anh T đưa cho K số tiền 3.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Ngày 28/7/2017, trên đường đi làm về khi đến xã N, K phát hiện xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius mang biển số 48C1-143.90 dựng trước nhà chị Lê Thị P (HKTT: thôn L- xã Đ- huyện K) không có người trông coi, chìa khóa xe cắm ở ổ khóa xe, K nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe. K vào dắt xe máy chạy ra ngoài và nổ máy chạy xe về thị trấn Đắk Mâm, K thuê phòng nghỉ tại phòng trọ Tam Đông (tổ 6, thị trấn M). Khi thuê phòng nghỉ tại phòng trọ Tam Đông, K quen với Vũ Trọng Đ thuê phòng

sát bên của K. Khi K ở phòng trọ Tam Đông thì thấy trong sọt rác trước cửa phòng có một BKS xe máy số 52K3-3796 đã cũ. K nảy sinh ý định gắn BKS 52K3-3796 vào chiếc xe máy BKS 48C1-143.90 để tránh bị phát hiện, nên K nhặt BKS xe máy 52K3-3796 vào và thay vào xe máy BKS 48C1-143.90. Ngày 29/8/2017, K mang BKS xe máy số 48C1-143.90 vứt tại khu vực hồ thị trấn M. Ngày 30/8/2017, anh Đ rủ K đi qua S chơi thì K đồng ý và lấy xe máy được gắn BKS 52K3-3796 chở anh Đài đến nhà anh Đặng Hà (Thôn 4- xã J- huyện S- tỉnh Đăk Nông) chơi. Chơi được một ngày thì K hết tiền, anh Đ rủ K về thành phố B- tỉnh Đắk Lắk nhưng xe bị thủng xăm nên K gửi xe máy lại nhà anh H nhờ anh H sửa xe và hẹn hôm sau lên lấy xe về. Sau đó K và anh Đ bắt xe khách về thành phố B thuê phòng và nghỉ lại một đêm, sau đó K lang thang tại thành phố B.

Sau khi anh Đài và K đi, ngày hôm sau anh H mang xe máy của K gửi lại đi sửa, sửa xong anh H có gọi điện thoại cho anh Đ nhắn K xuống lấy xe nhưng anh Đ không liên lạc được với K. Ngày 3/9/2017 anh H mang xe máy của K gửi lại đến chơi tại nhà anh Nguyễn Văn Q (thôn 4- xã Q – huyện T – tỉnh Đắk Nông), anh Q có mượn xe máy của anh H (xe của K gửi lại) đi thăm người bệnh tại thành phố B thì anh H đồng ý. Ngày 4/9/2017 anh Q lấy xe anh H cho mượn chở anh Hoàng Văn K đi đến thành phố B, khi anh Q và anh H đến khu vực xã T- huyện C- tỉnh Đắk Nông do vi phạm luật giao thông đường bộ nên bị Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Đắk Nông tạm giữ phương tiện do nghi ngờ là xe trộm cắp. Sau đó Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Đắk Nông chuyển hồ sơ và tang vật cho công an huyện Krông Nô giải quyết theo quy định.

Vụ thứ ba: Ngày 26/11/2017, K đi bộ đến khu vực thôn T- xã R thì phát hiện một chiếc xe máy BKS 48C1-116.14 dựng trước cổng nhà của anh Vũ Ngọc S (thôn T – xã R- huyện K- tỉnh Đắk Nông), trên xe có cắm chìa khóa và không có người trông coi. K nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe, K đẩy xe máy và nổ xe chạy về hướng huyện M, khi đến khu vực nhà anh Nguyễn Thế H do thấy trong người mệt không thể chạy được xe nữa nên K gửi xe máy BKS 48C1-116.14 tại nhà anh H và đón xe buýt về thành phố B. Sau đó K bị công an huyện Krông Nô phát hiện và mời về trụ sở làm việc.

Tại bản kết luận giám định số 36 ngày 04/10/2017 của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Krông Nô xác định 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha-Sirius, biển kiểm soát 48C1-143.90 ngày 28/7/2017 có giá trị 17.850.000 đồng (mười bảy triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại bản kết luận giám định số 44 ngày 07/12/2017 của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Krông Nô xác định 01 xe máy nhãn hiệu Honda-Wave S, màu sơn vàng đen, BKS 48C1-116.14 ngày 26/11/2017 có giá trị 9.894.000 đồng (chín triệu tám trăm chín mươn tư nghìn đồng).

Tại bản kết luận giám định số 01 ngày 04/1/2018 của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Krông Nô xác định 01 xe máy nhãn hiệu Honda-Wave S,

màu sơn vàng đen, BKS 93K1-1893 ngày 26/07/2017 có giá trị 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

Cáo trạng số 06/CTr-VKS, ngày 02/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô đã truy tố bị cáo Phùng Trung K về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Phùng Trung K đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô và thừa nhận VKS truy tố bị cáo là đúng, không oan.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như nội dung bản Cáo trạng số 06/CTr-VKS, ngày 02/02/2018. Sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Đại diện VKS đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phùng Trung K phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: điểm c khoản 2 điều 138; điểm p khoản 1 điều 46; điểm g khoản 1 điều 48 của BLHS năm 1999. Xử phạt bị cáo Phùng Trung K từ 04 đến 05 năm tù.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận quyết định xử lý vật chứng số 19, ngày 02/11/2017 của Cơ qua cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Nô trả lại tài sản 01 chiếc xe hiệu Yamaha Sirirus, màu sơn đen – trắng, BKS 52K3-3796 (số thật: 48C1-143.90) cho chị Lê Thị P là chủ sở hữu hợp pháp; Chấp nhận quyết định xử lý vật chứng số 42, ngày 26/01/2018 của Cơ qua cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Nô trả lại tài sản 01 chiếc xe hiệu Mobile WRX, màu sơn đỏ – đen, BKS 93K1-1893 cho anh Giàng Seo D và trả 01 chiếc xe hiệu Honda Wave S, màu sơn vàng – đen, BKS 48C1-116.14 cho anh Vũ Ngọc S là chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Phùng Trung K phải trả lại số tiền 3.000.000 đồng cho anh Hoàng Văn T.

Bị cáo không tranh luận mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Nô, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Đối với hành vi của bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Lợi dụng sự thiếu thiếu cảnh giác của chủ sở hữu tài sản, bị cáo Phùng Trung K đã lén lút chiếm đoạt của ông Giàng Seo D 01 xe máy hiệu Mobile WRX, màu sơn đỏ – đen, BKS 93K1-1893; chiếm đoạt của bà Lê Thị P 01 xe máy hiệu Yamaha Sirirus, màu sơn đen – trắng, BKS 52K3-3796 (số thật: 48C1-143.90) và chiếm đoạt của ông Vũ Ngọc S 01 xe máy hiệu Honda Wave S, màu sơn vàng – đen, BKS 48C1-116.14. Tổng giá trị các tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt là 31.744.000 đồng (Ba mươi mốt triệu, bảy trăm bốn mươi bốn nghìn đồng). Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do lỗi cố ý. Như vậy, hành vi của bị cáo Phùng Trung K đã bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô truy tố về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật, không oan.

Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

c)Tái phạm nguy hiểm;".

[3]. Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo phạm tội với tình tiết định khung tái phạm nguy hiểm; trong vụ án này bị cáo phạm tội nhiều lần do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung trong xã hội.

3.1. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo ba lần thực hiện hành vi trộm cắp, giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt đều trên 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), do đó hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

3.2. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo.

[4]. Về các biện pháp tư pháp: Trong quá trình điều tra đã chứng minh được chủ sở hữu hợp pháp xe máy hiệu Mobile WRX, màu sơn đỏ – đen, BKS 93K1-1893 là ông Giàng Seo D, chủ sở hữu hợp pháp chiếc xe hiệu Yamaha Sirirus, màu sơn đen – trắng, BKS 52K3-3796 (số thật: 48C1-143.90) là bà Lê Thị P và chủ sở hữu hợp pháp hiệu Honda Wave S, màu sơn vàng – đen, BKS 48C1-116.14 là ông Vũ Ngọc S. Vì vậy, cơ quan cảnh sát điều tra ra quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp, theo quy định tại Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa những người bị hại là ông Giàng Seo D, ông Vũ Ngọc S và bà Lê Thị P không yêu cầu bị cáo bồi thường, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn T yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 3.000.000 đồng là tiền ông T mua chiếc xe hiệu Mobile WRX, màu sơn đỏ – đen, BKS 93K1-1893. Xét tại thời điểm mua chiếc xe trên ông T không biết do bị cáo trộm cắp mà có, do đó theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự việc ông T yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 3.000.000 đồng là có căn cứ.

Tại phiên tòa bị cáo chấp nhận trả lại số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) theo yêu cầu của ông Hoàng Văn T. Xét thấy, sự thỏa thuận giữa bị cáo và ông Hoàng Văn T là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật. Vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[6]. Đối với ông Hoàng Văn T có hành vi mua chiếc xe hiệu Mobile WRX, màu sơn đỏ – đen, BKS 93K1-1893 do bị cáo Phùng Trung K trộm cắp. Tuy nhiên tại thời điểm mua chiếc xe trên ông T không biết do bị cáo trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý đối với ông Hoàng Văn T.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Phùng Trung K** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo **Phùng Trung K** 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (27/11/2017).

*** Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999 và Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự: Chấp nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Phùng Trung K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn T. Bị cáo Phùng Trung K phải hoàn trả cho ông Hoàng Văn T số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

(Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại điều 357 và khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015).

*** Về xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009:

Chấp nhận quyết định xử lý vật chứng số 19, ngày 02/11/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Nô trả lại tài sản 01 chiếc xe hiệu Yamaha Sirirus, màu sơn đen – trắng, BKS 52K3-3796 (số thật: 48C1-143.90) cho chị Lê Thị P là chủ sở hữu hợp pháp; Chấp nhận quyết định xử lý vật chứng số 42, ngày 26/01/2018 của Cơ qua cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Nô trả lại tài sản 01 chiếc xe hiệu Mobile WRX, màu sơn đỏ – đen, BKS 93K1-1893 cho anh Giàng Seo D và trả 01 chiếc xe hiệu

Honda Wave S, màu sơn vàng – đen, BKS 48C1-116.14 cho anh Vũ Ngọc S là chủ sở hữu hợp pháp.

*** Về án phí:** Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phùng Trung K phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

*** Quyền kháng cáo:** Bị cáo, những người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở TP tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Công an huyện Krông Nô;
- Bộ phận HSNVCS (CA huyện);
- THADS huyện Krông Nô;
- Bị cáo; Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Trần Thị Thanh Tâm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Tâm